

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày: 12-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Hồng Thúy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Tấn Triều**

- Ông **Lê Anh Khoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 06 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 679/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 08 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh năm 1970 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số 41A/KC tổ 3, khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); bị cáo có chồng là Lê Thành L và có 02 người con.

Tiền án: chưa; tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người Bị hại:* Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 138 đường A, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị T, sinh năm 1973. Địa chỉ: 71N khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2023, chị Lê Thị Thanh H, địa chỉ nhà số 138 A, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ, đi du lịch tại Thái Lan. Khoảng 19 giờ cùng ngày 16/11/2023, bị cáo Trần Thị N - Làm thuê giúp việc nhà chị H vào phòng ngủ dọn dẹp (Cửa phòng không khóa) thì nhìn thấy trên nền đất dưới cánh cửa tủ nhỏ có sấp tiền Việt Nam nên N nhanh tay lấy bỏ vào túi quần bên trái và đi vào khu vực bếp của ngôi nhà. Bị cáo N kiểm tra thì thấy 02 cọc tiền mệnh giá loại 500.000 đồng, mỗi cọc 10.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng.

Đến ngày 22/11/2023 chị H về nhà kiểm tra tài sản phát hiện bị mất 20.000.000 đồng nên chị H đến Công an phường B trình báo.

Công an phường B tiếp nhận vụ việc, tiến hành phối hợp Cơ quan điều tra xác minh, làm việc những người liên quan, kiểm tra hiện trường không ghi nhận dấu vết cạy phá, hiện trường không có dấu hiệu xáo trộn.

Đến ngày 23/11/2023, chị H có trao đổi – vận động những người làm thuê trong nhà chị H về vụ việc mất tài sản thì bị cáo Trần Thị N đã tự thừa nhận là người đã thực hiện hành vi lấy trộm số tiền 20.000.000 đồng. Đối với số tiền có được, N đưa 10.000.000 đồng cho em ruột đóng tiền hụi; mua thuốc hết 1.000.000 đồng; mua trang sức trên mạng 1.500.000 đồng; tiêu xài cá nhân 2.000.000 đồng; còn lại 5.500.000 đồng cất giữ tại nhà chị H.

-Vật chứng thu giữ:

+ Trần Thị N tự nguyện giao nộp: tiền Việt Nam 5.500.000 đồng; 01 hộp thuốc mua trên mạng; 01 hộp nữ trang (già) màu hồng.

+ Chị Trần Thị T (em ruột Trần Thị N) giao nộp: tiền Việt Nam 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Thị N thừa nhận lợi dụng lúc chị H đi du lịch nước ngoài, có để tiền trong phòng ngủ nên bị cáo lén lút lấy trộm số tiền 20.000.000 đồng tiêu xài cá nhân, sau đó bị phát hiện.

Như vậy tổng số tiền mà bị cáo Trần Thị N chiếm đoạt của chị Lê Thị Thanh H

là 20.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ và xử lý vật chứng trao trả cho chị Lê Thị Thanh H tiền Việt Nam: 15.500.000 đồng. Còn lại số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo N đã tự thỏa thuận trả lại chị H nhận xong.

Về trách nhiệm dân sự: chị H đã nhận lại đủ số tiền 20.000.000 đồng và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số 117/CT-VKSNK ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận K truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt BLHS 2015).

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo theo tội danh và điều khoản như nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 2015 tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị H đã nhận lại đủ số tiền 20.000.000 đồng và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng: Đề nghị xem xét 01 hộp thuốc mua trên mạng; 01 hộp nữ trang (giả) màu hồng.

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo không tranh luận với Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận K, thành phố Cần Thơ, Điều tra viên,

Viện kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì trong hồ sơ đã có đủ lời khai của họ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở kết luận:

Ngày 16/11/2023, chị Lê Thị Thanh H, địa chỉ nhà số 138 A, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ, đi du lịch tại Thái Lan. Khoảng 19 giờ cùng ngày 16/11/2023, bị cáo Trần Thị N - Làm thuê giúp việc nhà chị H vào phòng ngủ dọn dẹp (Cửa phòng không khóa) thì nhìn thấy trên nền đất dưới cánh cửa tủ nhỏ có sấp tiền Việt Nam nên N nhanh tay lấy bỏ vào túi quần bên trái và đi vào khu vực bếp của ngôi nhà. Bị cáo N kiểm tra thì thấy 02 cọc tiền mệnh giá loại 500.000 đồng, mỗi cọc 10.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên với ý định tiêu xài cá nhân.

Tổng trị giá tài sản do bị cáo Trần Thị N chiếm đoạt là 20.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: xét thấy hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà H mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện tính xem thường pháp luật. Do vậy, hành vi

của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe bị cáo sống phải biết đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với toàn bộ diễn biến hành vi bị cáo thực hiện.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, xét bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo về nhân thân chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và người bị hại - chị Lê Thị Lệ H có yêu cầu xin bãi nại cho bị cáo N cũng như xét thấy bị cáo hiện đang bị bệnh ung thư và bị cáo N có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử thiết nghĩ không cần cách ly bị cáo N ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước nhằm tạo điều kiện cho bị cáo ở ngôi sửa đổi, phục thiện làm công dân tốt. Ngoài ra theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là hợp lý do đó Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015; các tình tiết này là căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho bị cáo.

[6] Đối với bà Trần Thị T không biết số tiền bị cáo đưa cho là do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại và chị Lê Thị Lệ H không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Hộp nữ trang màu hồng hình tròn bên ngoài có chữ "vàng bạc đá quý", bên trong có kim loại màu vàng hình tròn, chưa sử dụng (đã được niêm phong, có chữ ký xác nhận của bà Trần Thị N hộp nữ trang mua trên mạng là giả và có dấu mộc của Công an phường B xét không có giá trị sử dụng và bị cáo không xin nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

Hộp thuốc bằng giấy hình chữ nhật có chữ Saffron Market (chưa sử dụng) là của bị cáo mua để trị bệnh nay bị cáo cũng không xin nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 60 Bộ luật Hình sự 2015

Tuyên bố: bị cáo **Trần Thị N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng.

Giao bị cáo Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân phường B giám sát giáo dục

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy Hộp nữ trang màu hồng hình tròn bên ngoài có chữ "vàng bạc đá quý", bên trong có kim loại màu vàng hình tròn, chưa sử dụng (đã được niêm phong, có chữ ký xác nhận của bà Trần Thị N và có dấu mộc của Công an phường B.

Tịch thu tiêu hủy Hộp thuốc bằng giấy hình chữ nhật có chữ Saffron Market (Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự quận K đang quản lý – Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/6/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. K;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Công an Q. K;
- Chi cục THADS Q. K;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Thúy

